

BẢNG ĐIỂM MÔN: DSTT513 - MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUYÊN SÂU VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ**LỚP CAO HỌC: 21CHDS_K35_UD,**

STT	MAHV	Họ	Tên	Ngày sinh	Điểm BP (40%)	Điểm thi (60%)	Đ.TKHP	KQ	Ghi chú
1	21350310001	Nguyễn Thị Thuý	An	15/05/1994	9.5	9.0	9.00 - 4.00 - A	Đậu	
2	21350310002	Hàng Kim	Đào	11/05/1999	9.5	9.0	9.00 - 4.00 - A	Đậu	
3	21350310003	Trương Minh	Diện	26/02/1997	8.5	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
4	21350310006	Nguyễn Mai Khả	Duyên	26/08/1998	8.5	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
5	21350310007	Nguyễn Vũ Thái	Hà	01/12/1999	9.0	7.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
6	21350310008	Võ Thị Bảo	Hân	11/10/1997	9.0	7.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
7	21350310010	Trần Nam	Hùng	27/09/1972	9.0	9.0	9.00 - 4.00 - A	Đậu	
8	21350310011	Trần Thị Xuân	Hương	20/02/1991	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
9	21350310012	Kiều Quang	Huy	24/08/1997	9.0	7.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
10	21350310013	Lê Thị Mỹ	Lệ	07/07/1998	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
11	21350310014	Trần Thục Lam	Linh	25/07/1999	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
12	21350310015	Nguyễn Đình	Luân	09/12/1993	8.5	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
13	21350310017	Đoàn Huỳnh Kim	Ngân	01/09/1997	8.5	7.0	7.50 - 3.00 - B	Đậu	
14	21350310018	Bùi Võ Bích	Ngọc	06/07/1999	8.0	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
15	21350310019	Phạm Kim	Ngọc	29/03/1998	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
16	21350310020	Trần Thái	Nguyễn	27/06/1998	8.0	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
17	21350310021	Phạm Đình Hiền	Nhi	30/12/1998	9.5	9.0	9.00 - 4.00 - A	Đậu	
18	21350310022	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	03/09/1999	9.5	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
19	21350310023	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	18/09/1999	9.5	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
20	21350310024	Trần Thị Quỳnh	Như	13/04/1997	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
21	21350310025	Trần Thị Kim	Phụng	08/12/1987	8.5	7.0	7.50 - 3.00 - B	Đậu	
22	21350310026	Nguyễn Thị Tố	Phượng	06/09/1995	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
23	21350310027	Huỳnh Thiện	Quang	19/08/1998	8.5	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
24	21350310028	Lương Tú	Quỳnh	18/03/1998	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
25	21350310029	Phan Dương	Tấn	10/07/1995	8.5	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
26	21350310031	Chử Thị Kim	Thu	14/03/1996	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
27	21350310032	Trần Nguyễn Minh	Thùy	05/02/1999	9.5	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
28	21350310033	Trần Thị Thu	Thủy	10/03/1999	9.5	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
29	21350310034	Lê Hà Bảo	Trân	31/10/1993	8.0	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	chuyen diem
30	21350310035	Nguyễn Tố	Uyên	09/05/1999	8.5	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
31	21350310036	Đinh Nguyễn Thanh	Vân	20/08/1998	8.0	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
32	21350310037	Lê Thuý	Vi	21/07/1997	8.5	7.0	7.50 - 3.00 - B	Đậu	

33	21350310039	Trương Yến	Yến	03/05/1998	9.0	7.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
34	21350320040	Trần Hoàng Bình	An	30/09/1990	9.0	7.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
35	21350320041	Lê Trần Tuấn	Anh	19/11/1991	8.0	7.0	7.50 - 3.00 - B	Đậu	
36	21350320042	Lee	Chanbin	21/07/1988	9.0	7.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
37	21350320043	Thái Anh	Đào	14/08/1982	8.0	7.0	7.50 - 3.00 - B	Đậu	
38	21350320044	Bùi Tấn	Đạt	13/02/1997	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
39	21350320045	Nguyễn Thị Châu	Loan	19/11/1998	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
40	21350320046	Trần Thị Hoa	Lý	15/09/1995	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
41	21350320047	Tạ Đỗ Lý Hà	My	08/07/1998	8.5	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
42	21350320049	Nguyễn Thanh	Ngân	14/10/1994	9.5	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
43	21350320050	Dương Kiều Phương	Nhung	18/10/1985	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
44	21350320051	Tạ Thanh	Phúc	30/08/1973	8.0	7.0	7.50 - 3.00 - B	Đậu	
45	21350320052	Dương Thị Hoài	Phương	24/06/1991	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
46	21350320053	Trần Thị Hồng	Phương	08/07/1988	9.0	8.0	8.50 - 4.00 - A	Đậu	
47	21350320054	Võ Đức Vũ	Tài	21/08/1997	8.0	8.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
48	21350320056	Nguyễn Mậu	Tiên	16/09/1991	9.0	7.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	
49	21350320057	Phan Thị Huyền	Trân	19/10/1987	8.0	6.0	7.00 - 3.00 - B	Đậu	
50	21350320058	Lê Anh	Tú	26/11/1998	9.0	7.0	8.00 - 3.00 - B	Đậu	